

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

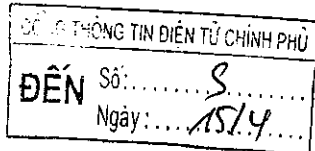
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /2015/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 13 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 18/TTr-BDT ngày 26/3/2015 và Báo cáo thẩm định số 74/BC-STP ngày 24/3/2015 của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 09/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Ủy ban Dân tộc (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- NC (H) 10/4;
- Lưu: VT, Mi27/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thành Tươi

QUY ĐỊNH

**Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 07 /2015/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau là cơ quan chuyên môn ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.
2. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.
3. Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Dân tộc thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc - Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

**Chương II
CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban Dân tộc gồm có: Trưởng Ban và không quá 03 Phó Trưởng Ban.
2. Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:
 - a) Văn phòng;
 - b) Thanh tra;
 - c) Phòng Chính sách Dân tộc;
 - d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp;
 - đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

3. Căn cứ vào khối lượng công việc, tính chất, đặc điểm tình hình quản lý nhà nước về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, việc tách, sáp nhập, đổi tên các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Dân tộc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ, nhưng không vượt quá số phòng chuyên môn, nghiệp vụ theo Quy định này và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm ban hành văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc.

Điều 4. Biên chế

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm của công tác dân tộc ở địa phương, Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí biên chế cho Ban Dân tộc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc, do Trưởng Ban Dân tộc quyết định trong tổng số biên chế đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Số lượng lãnh đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm có: Trưởng phòng và không quá 02 Phó Trưởng phòng.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với công chức, người lao động trong các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Việc bố trí, sử dụng công chức, người lao động của Ban Dân tộc phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức và quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

1. Trưởng Ban Dân tộc là người đứng đầu Ban, làm việc theo chế độ Thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban; thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được quy định tại Điều 7 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Phó Trưởng Ban là người giúp việc cho Trưởng Ban, phụ trách chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng Ban vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban.

3. Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc là người trực tiếp phụ trách điều hành hoạt động của phòng; chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Ban, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của phòng được phân công phụ trách.

4. Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc là người giúp việc cho Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công phụ trách.

Điều 6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm

1. Việc bổ nhiệm Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban Dân tộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ và theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc quy định.

2. Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban Dân tộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước.

3. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Trưởng Ban quyết định theo phân cấp quản lý công chức và theo quy định của pháp luật hiện hành, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Việc phân công, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với công chức, người lao động thuộc Ban Dân tộc thực hiện theo phân cấp quản lý công chức và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Luân chuyển, điều động

Trưởng Ban Dân tộc quyết định việc luân chuyển, điều động công chức thuộc Ban Dân tộc theo quy định pháp luật và theo phân cấp quản lý hiện hành.

Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ LÀM VIỆC

Điều 8. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc

1. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc là mối quan hệ giữa cấp dưới đối với cấp trên về công tác chuyên môn, nghiệp vụ của ngành; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo chương trình, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 05 năm và hàng năm do Ủy ban Dân tộc đề ra; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về hoạt động công tác dân tộc ở địa phương.

2. Đề xuất, kiến nghị Ủy ban Dân tộc hướng dẫn, giải quyết những vấn đề có liên quan đến công tác quản lý, thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ của ngành mang tính chất phức tạp hoặc mới phát sinh mà chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh.

Điều 9. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân tỉnh là mối quan hệ phục tùng, chịu sự chỉ đạo, quản lý điều hành trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình hoạt động, Ban Dân tộc giữ mối liên hệ thường xuyên với Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất về các hoạt động dân tộc trên địa bàn tỉnh đến Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh

1. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh là mối quan hệ phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ chung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh; nhằm mục đích thực hiện, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

2. Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng kế hoạch để thực hiện các mặt công tác chuyên môn, nghiệp vụ về công tác dân tộc; đồng thời, phối hợp các cơ quan có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau là mối quan hệ tổ chức và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực dân tộc và các vấn đề khác có liên quan trên địa bàn các huyện, thành phố Cà Mau.

Điều 12. Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Phòng Dân tộc và bộ phận phụ trách công tác dân tộc các huyện, thành phố Cà Mau

Mối quan hệ công tác giữa Ban Dân tộc đối với Phòng Dân tộc và bộ phận phụ trách công tác dân tộc các huyện, thành phố Cà Mau là mối quan hệ chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ; chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn của ngành dân tộc thống nhất từ Trung ương đến tỉnh, huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn.

Chương IV **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 13. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, công vụ và thực hiện tốt Quy định này; góp phần cùng Ban Dân tộc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Xử lý vi phạm

Công chức, người lao động thuộc Ban Dân tộc và tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

Trưởng Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau tổ chức triển khai, thực hiện tốt Quy định này.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố Cà Mau phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc) để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phạm Thành Tươi